



zhǒng qún

种群

noun · population (of species)

Example Sentences

Zhè zhǒng niǎo de zhǒng qún shù liàng zài jiǎn shǎo

这种鸟的种群数量在减少。

The population of this bird species is decreasing.

Bǎo hù bīn wēi zhǒng qún xū yào quán shè huì de nǚ lì

保护濒危种群需要全社会的努力。

Protecting endangered populations requires the effort of the whole society.

Trace each character, then write the word on your own.

种	种	种	种	种	种	种	种	种	种	种
种										
群	群	群	群	群	群	群	群	群	群	群
群	群	群	群	群						